

**TÒA ÁN NHÂN NHÂN
TỈNH TIỀN GIANG**
Bản án số: 112/2020/DS-PT
Ngày: 25-5-2020
V/v tranh chấp: “Đòi tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Triều.

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Kim Em;

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 22, 25 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp: “Đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 98/2019/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 93/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 03 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Từ Ngọc L, sinh năm 1990 (có mặt.)

Địa chỉ: 90A, ấp M1, xã M2, TP.M, Tiền Giang.

- Bị đơn: Trần Thị Kim D, sinh năm 1994.

Địa chỉ: 38/7, khu phố A, phường 10, TP.M, Tiền Giang (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lê Thị N, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: 90A ấp M1, xã M2, TP.M, Tiền Giang

2. Trần Xuân L, sinh năm 1963 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: 15 Ấp Bắc, khu phố N, phường 10, TP.M, Tiền Giang

3. Trần Thị Kim T, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: 38/7, khu phố B, phường 10, TP.M, Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Từ Ngọc L trình bày:

Ngày 15/3/2017, mẹ của chị là bà N có làm hợp đồng thuê nhà của bà L để mở quán ăn, mọi chi phí dùng để mở quán là của chị, chị D phụ chị bán. Khoảng 01 tháng sau chị D có năn nỉ chị để quán lại cho chị D và chị D sẽ thanh toán lại cho chị 42.637.000 đồng, chi phí đầu tư quán.

Chị D hứa đến 25/02/2018 sẽ trả đầy đủ số tiền trên nhưng đến nay chị D chỉ có trả được 7.000.000 đồng, còn nợ lại 35.637.000 đồng. Nay chị yêu cầu chị D trả 35.217.000 đồng (đã trừ 420.000 đồng tiền mua bảo hiểm).

Bị đơn chị Trần Thị Kim D trình bày:

Ngày 15/3/2019, chị D và bà L có ký hợp đồng thuê nhà của bà L để chị D và bà N cùng bán quán ăn. Khoảng 01 tháng sau, bà N không bán nữa để lại cho chị D bán. Bà N nói cho chị D bảng hiệu, bàn, ghế, chén, tô, có giá trị khoảng 15.000.000 đồng nhưng sau đó lại đòi tiền nên chị D có nhờ chị ruột là chị T trả dùm chị 7.000.000 đồng. Hiện nay còn 01 bảng hiệu S, 05 bàn inox, 50 ghế nhựa, khi nào bà N yêu cầu trả lại thì chị D sẽ trả lại cho bà N. Chị D xác định không có nợ chị L nên không chấp nhận theo yêu cầu của chị L.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N trình bày:

Số tiền đầu tư quán do con bà là L bỏ tiền ra đầu tư, bà chỉ là người đứng tên thuê mặt bằng và đứng bán.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà L trình bày:

Ngày 15/3/2019 bà có ký hợp đồng với bà N cho bà N thuê nhà, có thể chân 16.000.000 đồng. Sau đó bà N không kinh doanh mà để lại cho chị D kinh doanh, nên bà N kêu bà ký hợp đồng lại với chị D, khi đó tiền thế chân vẫn giữ nguyên. Chị D kinh doanh khoảng 06 tháng thì không kinh doanh nữa, bà có trả lại 8.000.000 đồng tiền thế chân, còn lại 8.000.000 đồng bà không trả do chị D vi phạm hợp đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị T trình bày:

Em của chị là D có nhờ chị trả tiền cho bà N thông qua tài khoản của chị L tổng cộng là 7.000.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2019/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố M đã quyết định:

- Căn cứ khoản 2 Điều 164; Điều 166; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 166; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Buộc chị Trần Thị Kim D trả cho chị Từ Ngọc L 35.217.000 đồng (ba mươi lăm triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng) chi phí sang quán.

- Buộc chị Trần Thị Kim D trả cho chị Từ Ngọc L 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng) chi phí tố tụng.

- Về án phí: Chị D phải chịu 1.760.850 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị L 590.925 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014213 ngày 07/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự theo qui định pháp luật.

Ngày 01/11/2019 chị Trần Thị Kim D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Từ Ngọc L.

- Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Từ Ngọc L, bị đơn chị Trần Thị Kim D, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Thị N, Trần Thị Kim T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng có mặt, chị Trần Thị Kim L có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị Kim L.

[2] Xét thời hiệu kháng cáo: Bị đơn chị Trần Thị Kim D kháng cáo còn trong hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét về quan hệ tranh chấp chị Từ Ngọc L kiện yêu cầu chị Trần Thị Kim D có trách nhiệm trả cho chị số tiền 35.217.000 đồng (tiền sang quán) nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là đòi tài sản là đúng quy định pháp luật.

[4] Về nội dung kháng cáo Bị đơn chị Trần Thị Kim D có đơn kháng cáo với lý do là không đồng ý trả cho chị Từ Ngọc L số tiền 35.217.000 đồng và 1.900.000 đồng chi phí tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị L trình bày: Ngày 15/3/2017, mẹ của chị là bà N có làm hợp đồng thuê nhà của bà L để mở quán ăn, mọi chi phí dùng để mở quán là của chị, chị D phụ chị bán. Khoảng 01 tháng sau chị D có năn nỉ chị để quán lại cho chị D và chị D sẽ thanh toán lại cho chị 42.637.000 đồng, chi phí đầu tư quán.

Chị D hứa đến 25/02/2018 sẽ trả đầy đủ số tiền trên nhưng đến nay chị D chỉ có trả được 7.000.000 đồng, còn nợ lại 35.637.000 đồng. Nay chị yêu cầu chị D trả 35.217.000 đồng (đã trừ 420.000 đồng tiền mua bảo hiểm).

Đối với chị D thừa nhận chị D và bà L có ký hợp đồng thuê nhà của bà L để chị D và bà N cùng bán quán ăn. Khoảng 01 tháng sau, bà N không bán nữa để lại cho chị D bán. Bà N nói cho chị D bằng hiệu, bàn, ghế, chén, tô, có giá trị khoảng 15.000.000 đồng nhưng sau đó lại đòi tiền nên chị D có nhờ chị ruột là chị T trả dùm chị 7.000.000 đồng. Hiện nay còn 01 bằng hiệu S, 05 bàn inox, 50 ghế nhựa, khi nào bà N yêu cầu trả lại thì chị D sẽ trả lại cho bà N. Chị D xác định không có nợ chị L nên không chấp nhận theo yêu cầu của chị L.

Các bên nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có thỏa thuận sang quán và phía bị đơn đã giao cho nguyên đơn được số tiền 7.000.000 đồng.

Phía nguyên đơn chị L cho rằng sang quán với giá 42.637.000 đồng, phía bị đơn chị D cho rằng chỉ có 15.000.000 đồng nhưng các bên không có hợp đồng giấy tờ gì thể hiện việc sang quán.

Chứng cứ chứng minh cho việc khởi kiện của nguyên đơn là danh mục các tin nhắn trên Zalo liên lạc với nhau giữa nguyên đơn và bị đơn mà nguyên đơn cung cấp cho tòa án.

Đối với bị đơn không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ lời trình bày của mình.

Qua xem xét các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cùng với việc thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy trong các đoạn tin nhắn trên cụ thể: Số điện thoại từ chị L là 01259389XYZ nhắn tin cho 01629453ABC vào lúc 17 giờ 10 phút ngày 19/4/2017 là “Số tiền bên giấy e nợ c là 41.628.000 đúng k? Em kiểm tiền nước lại đúng chưa? Sao k nghe nói năng gì hết vậy?” “Vây trừ ra 2 lốc sprite 61.000. Còn lại 41.567.000 ok?” Thì tin nhắn từ số điện thoại 01629453ABC trả lời vào lúc 18 giờ 44 phút ngày 19/4/2017 trả lời “ok”,

Tiếp đến chị L nhắn tin cho 01629453ABC vào lúc 15 giờ 58 phút ngày 26/4/2017 là “Hôm bữa còn lò than, đĩa 650k + bhiem 420k nữa là 41.637.000 nha D. Bữa jo bán được k?” thì từ số điện thoại 01629453ABC trả lời là “Uk e pjt uj kuj laj raj ak. Com pan dc pun po thj hoj cham”.

Tiếp đến chị L nhắn tin cho 01629453ABC “40 mấy tr m trả mới có 7tr. Đồ còn những gì trừ tiền ra còn b nhiêu tra hết cho t chứ m nói trả thêm 10tr nữa k trả nữa là sao?” thì số điện thoại 01629453ABC đáp lại rằng “Mun lay thi lay k lay thi thoi. Noi thag k co kha nag tra nua ...bay ra bat t om het không co ui hak”.....

Tại phiên tòa bị đơn Trần Thị Kim D thừa nhận số điện thoại trên bản kê khai liên lạc giữa nguyên đơn với bị đơn, thì số điện thoại 01629453ABC là của chị Trần Thị Kim D.

Từ các tin nhắn trên cho thấy việc chị L sang quán cho chị D với số tiền là 42.637.000 đồng là có cơ sở, nên việc chị D cho rằng tiền sang quán cho chị chỉ có 15.000.000 đồng là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên tòa chị L thừa nhận chị D đã trả được 7.000.000 đồng do đó cần buộc chị Trần Thị Kim D có trách nhiệm trả tiếp cho chị L số tiền 35.217.000 đồng.

Đối với số tiền 1.900.000đồng chi phí tố tụng chị D không chấp nhận trả cho chị L là không có cơ sở vì căn cứ vào Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự về Nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài sản, thẩm định giá thì “Trường hợp các bên đương sự không có thỏa thuận khác hoặc pháp luật không có quy định khác thì nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài sản, thẩm định giá được xác định như sau:

“1. Đương sự phải chịu chi phí định giá tài sản nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận....”Ngày 02/7/2019 nguyên đơn bà Từ Ngọc L có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành định giá tài sản, tại đơn yêu cầu ngày 20/9/2019 chị có yêu cầu chị Trần Thị Kim D phải hoàn lại cho chị chi phí tố tụng, cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Từ Ngọc L, do đó buộc bị đơn chị Trần Thị Kim D hoàn trả số tiền chi phí tố tụng là 1.900.000đồng là có căn cứ.

Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Trần Thị Kim D giữ y án sơ thẩm.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Kim D phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 308; căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 164; Điều 166; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị Kim D.

[2] Giữ y bản án dân sự sơ thẩm số 98/2019/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố M.

Xử:

- Buộc chị Trần Thị Kim D trả cho chị Từ Ngọc L 35.217.000 đồng (ba mươi lăm triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng) chi phí sang quán.

- Buộc chị Trần Thị Kim D trả cho chị Từ Ngọc L 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng) chi phí tố tụng.

[3] Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm và 1.760.850 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000555 ngày 01/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M sau khi được căn trừ chị D còn phải nộp tiếp số tiền 1.760.850 đồng án phí.

Hoàn lại cho chị L 590.925 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014213 ngày 07/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND Tp. M;
- Chi cục THADS Tp. M;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Triều